

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HS-ST
Ngày: 05-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 06 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Phúc Vinh Q, sinh ngày 29/12/1999, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số B đường D, tổ dân phố D, khu phố D, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Sĩ Đ, sinh năm 1970 (đã chết) và bà Tống Thị Bích L, sinh năm 1974; Có 03 A, chị, em ruột; Có vợ tên Hồ Thanh T, sinh năm 2001, có 01 con sinh năm 2023. Tiền sự và tiền án: Không có.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2024 đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

+ Ông Huỳnh Thư K, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Là chủ Doanh nghiệp tư nhân tiệm V)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Tống Thị Bích L, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường D, tổ dân phố D, khu phố D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Trần Ngọc L1, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường số A, khu dân cư V, ấp F, phường V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Thân Văn T2, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

+ Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 25/02/2024, Nguyễn Phúc Vinh Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu đỏ đen, số máy: KF41E1685783, số khung: 4114KK683103, biển số 59N3-286.60 đi từ nhà tại số B, đường D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An để tìm tài sản chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày 25/02/2024, khi đi đến tiệm V thuộc Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An do vợ chồng ông Huỳnh Thu K và bà Nguyễn Thị Thu T1 làm chủ thì thấy tiệm vàng vắng người nên Q nảy sinh ý định vào tiệm V Bảo Ngọc L3 để chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, Q điều khiển xe mô tô đến cửa hàng bán đồ gia dụng không rõ biển hiệu thuộc Ô 4, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An mua 01 cái kéo bằng kim loại với giá 29.000 đồng rồi cất giấu trong túi áo khoát đang mặc trên người và điều khiển xe mô tô quay lại tiệm V. Khi đến tiệm V thì Q gặp ông K đang trông coi tiệm vàng, Q hỏi mua 01 chiếc lắc đeo tay bằng vàng loại 18k, Q chỉ vào tủ kính trưng bày vàng và kêu ông K lấy lắc đeo tay ra cho Q đeo thử, ông K đồng ý và lấy 01 chiếc lắc này đeo vào tay Q rồi tháo ra, Q tiếp tục kêu ông K lấy ra cho ông Q chiếc lắc thứ hai để cho ông Q đeo thử, cùng lúc này thì bà T1 đi công việc vừa về đến và tư vấn cho ông Q, ông Q tiếp tục kêu bà T1 lấy chiếc lắc thứ 3 trong tủ trưng bày vàng cho Q đeo thử, Q đồng ý lấy chiếc lắc này, nhưng do chiếc lắc bị chật không vừa tay Q nên Q kêu bà T1 đem chiếc lắc này đi nối thêm vàng vào để Q mua, bà T1 đồng ý, bà T1 kêu ông K cầm chiếc lắc mà Q chọn đi nối thêm vàng để bán cho Q. Khi ông K vừa đi khỏi tiệm vàng thì Q tiếp tục kêu bà T1 lấy thêm một chiếc lắc đeo tay lớn hơn và kêu T1 cầm chiếc lắc đeo vào tay của Q nhưng không có khoá chốt chiếc lắc. Lúc này, Q quan sát xung quanh thấy không có người bên trong tiệm vàng nên Q dùng tay trái nhanh chóng giật lấy chiếc lắc của bà T1 đang cầm trên tay rồi bỏ chạy ra nơi để mô tô của Q lấy xe và điều khiển bỏ chạy về hướng ngã tư H để tẩu thoát, bà T1 truy hô và cùng người dân đuổi theo khoảng 20m bắt giữ Q và đưa Q đi lại tiệm vàng biển

hiệu Bảo Ngọc L3. Khi ông K và bà T1 mở khẩu trang trên mặt của Q xem thì nhận ra Q là người quen nên cho Q đi về.

Đến ngày 27/02/2024 Nguyễn Phúc Vinh Q đến Công an thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An đầu thú hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ gồm có:

- 01 chiếc lắc tay khoen lật, trọng lượng 7,28 chỉ, loại vàng 18k, loại khóa gài, trên mặt khóa có khắc chữ 610, AHOA.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu đỏ đen, số máy: KF41E1685783, số khung: 4114KK683103, biển số 59N3-286.60.
- 01 cái kéo kim loại dài 20 cm, cán màu vàng, trên lưỡi kéo có dòng chữ ASAKH- JANPAN (SK5).
- 01 nón bảo hiểm màu nâu, không nhãn hiệu.
- 01 áo khoác dài tay có mũ trùm, màu nâu, không nhãn hiệu.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, dung lượng 128GB, số máy NN522LL/A, số sê ri: FYQXV2LSHFY7, số sim: 0937893464.
- 01 khẩu trang vải, sọc caro, không nhãn hiệu.

Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Long An, kết luận: 01 chiếc lắc tay khoen lật, trọng lượng 7,28 chỉ, loại vàng 18k, loại khóa gài, trên mặt khóa có khắc chữ 610, AHOA, trị giá 28.028.000 đồng; tiền gia công 01 chiếc lắc tay khoen lật, trọng lượng 7,28 chỉ, loại vàng 18k, loại khóa gài, trên mặt khóa có khắc chữ 610, AHOA, trị giá 500.000 đồng. Tổng trị giá là 28.528.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 90/CT-VKSĐH ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q thừa nhận bị cáo cướp giật tài sản và hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố. Bị cáo không có khiếu nại đối với kết luận định giá. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q phạm tội “Cướp giật tài sản”; xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập xem xét.

+ Đề nghị trả lại cho bà Tống Thị Bích L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu đỏ đen, số máy: KF41E1685783, số khung: 4114KK683103, biển số: 59N3-286.60.

+ Đề nghị trả lại cho bị cáo Q: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, dung lượng 128GB, số máy NN522LL/A, số sê ri: FYQXV2LSHFY7, số sim: 0937893464.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 cái kéo kim loại dài 20 cm, cán màu vàng, trên lưỡi kéo có dòng chữ ASAKH- JANPAN (SK5); 01 nón bảo hiểm màu nâu, không nhãn hiệu; 01 áo khoác dài tay có mũ trùm, màu nâu, không nhãn hiệu; 01 khẩu trang vải, sọc caro, không nhãn hiệu.

- Phần dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Huỳnh Thư K đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại bà Nguyễn Thị Thu T1, ông Huỳnh Thư K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Ngọc L1 và người làm chứng ông Thân Văn T2, ông Nguyễn Văn L2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy trong giai đoạn điều tra đã thể hiện đầy đủ lời khai và ý kiến của đương sự này nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/02/2024, tại tiệm V do bà Nguyễn Thị Thu T1, ông Huỳnh Thư K làm chủ thuộc Ô 4, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, Nguyễn Phúc Vinh Q thực hiện hành vi dùng tay trái giật lấy của bà T1 01 chiếc lắc tay khoen lật, trọng lượng 7,28 chỉ, loại vàng 18k, loại khóa gài, trên mặt khóa có khắc chữ 610, AHOA, trị giá 28.028.000 đồng; tiền gia công 01 chiếc lắc tay khoen lật, trọng lượng 7,28 chỉ, loại vàng 18k, loại khóa gài, trên mặt

khóa có khắc chữ 610, AHOA, trị giá 500.000 đồng, tổng trị giá tài sản là 28.528.000 đồng thì bị bắt. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q đủ yếu tố cấu thành tội “cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời ảnh hưởng tới trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng mà không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Q đầu thú hành vi phạm tội, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8.2] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario 150, màu đỏ đen, số máy: KF41E1685783, số khung: 4114KK683103, biển số: 59N3-286.60 bà Tổng Thị Bích L hiện là chủ sở hữu cho bị cáo Q mượn sử dụng, bà L không biết Q sử dụng xe mô tô này đi cướp giật tài sản, nên cần trả lại cho bà L.

[8.3] Đối với 01 cái kéo kim loại dài 20 cm, cán màu vàng, trên lưỡi kéo có dòng chữ ASAKH- JAPAN (SK5); 01 nón bảo hiểm màu nâu, không nhãn hiệu; 01 áo khoác dài tay có mũ trùm, màu nâu, không nhãn hiệu; 01 khẩu trang vải, sọc caro, không nhãn hiệu là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8.4] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, dung lượng 128GB, số máy NN522LL/A, số sê ri: FYQXV2LSHFY7, số sim: 0937893464. Xét thấy đây không phải là công cụ bị cáo Q sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Q.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thu T1, ông Huỳnh Thu K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với bà Tống Thị Bích L (là mẹ ruột bị cáo Q) có hành vi cho bị cáo Q mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu đỏ đen, số máy: KF41E1685783, số khung: 4114KK683103, biển số: 59N3-286.60, để sử dụng trong việc đi lại không biết việc bị cáo Q sử dụng xe mô tô này làm phương tiện thực hiện tội phạm, nên hành vi của L không cấu thành tội phạm có liên quan.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/02/2024.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (05/7/2024) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

T3 lại cho bà Tống Thị Bích L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario 150, màu đỏ đen, số máy: KF41E1685783, số khung: 4114KK683103, biển số: 59N3-286.60.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, dung lượng 128GB, số máy NN522LL/A, số sê ri: FYQXV2LSHFY7, số sim: 0937893464.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái kéo kim loại dài 20 cm, cán màu vàng, trên lưỡi kéo có dòng chữ ASAKH- JAPAN (SK5); 01 nón bảo hiểm màu nâu, không nhãn hiệu; 01 áo khoác dài tay có mũ trùm, màu nâu, không nhãn hiệu; 01 khẩu trang vải, sọc caro, không nhãn hiệu.

(Các vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 103-3/06/2024 ngày 30 tháng 5 năm 2024)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Phúc Vinh Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS huyện Đức Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo; Bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Trang

